CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
SSI SECURITIES CORPORATION

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/*No*: 2015/2023/CV-SSIHO
V/v: Công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua chào bán chứng quyền có bảo đảm
Ref: Disclosing Resolution of the Board of Directors on approval of the offering of covered warrant

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2023
Ho Chi Minh City, December 14, 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/*To*:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission***
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange***
- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange***
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange***

1. Tên tổ chức: / *Organization name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI** / ***SSI SECURITIES CORPORATION***
   - Mã chứng khoán / *Ticker*: SSI / *SSI*
   - Địa chỉ / *Address*: 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh / *72 Nguyen Hue, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC*
   - Điện thoại liên hệ / *Telephone*: 028-38242897 / *028-38242897*
   - Fax: 028-38242997
   - Email: congbothongtin@ssi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*

   Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 14/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI thông qua chào bán chứng quyền có bảo đảm.

   Resolution No. 17/2023/NQ-HĐQT dated December 14, 2023 of the Board of Directors of SSI Securities Corporation on approval of the offering of covered warrant

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/12/2023 tại đường dẫn www.ssi.com.vn.
This information was posted on SSI website on December 14, 2023 at this link www.ssi.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.
We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information

Tài liệu đính kèm/ *Attached documents:*

Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 14/12/2023
Resolution No. 17/2023/NQ-HĐQT dated December 14, 2023

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền công bố thông tin
Party authorized to disclose information

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính
Chief Financial Officer

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 1, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301955155
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2023.12.14 14:40:42 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.2

Số: 17/2023/NQ-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về việc chào bán chứng quyền có bảo đảm

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Căn cứ:

- *Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;*
- *Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/01/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;*
- *Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị ngày 14/12/2023.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc chào bán chứng quyền từ ngày ban hành Nghị quyết này đến hết năm 2024 theo chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Thông qua việc đăng ký lưu ký chứng quyền tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng quyền trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi hoàn thành phân phối chứng quyền, toàn bộ chứng quyền được chấp thuận chào bán sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Ủy quyền thực hiện

Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:

1. Quyết định triển khai thực hiện chào bán chứng quyền, chào bán bổ sung chứng quyền, và quy định chi tiết việc chào bán chứng quyền đã được thông qua tại Điều 1 Nghị quyết này, bao gồm nhưng không giới hạn ở những việc sau:
   - Lựa chọn thời điểm chào bán;
   - Lựa chọn nhà đầu tư mua chứng quyền và số lượng chứng quyền chào bán hoặc phân phối cho mỗi nhà đầu tư;
   - Quyết định tên chứng quyền theo quy định của pháp luật và phù hợp với mỗi loại chứng quyền phát hành;

- Quyết định thời hạn của chứng quyền, ngày phát hành, ngày giao dịch cuối cùng, ngày đáo hạn;
- Quyết định giá thực hiện, giá chào bán, số lượng chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thị trường;
- Phân phối chứng quyền;
- Thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để việc chào bán chứng quyền đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh và thay đổi thông tin đối với từng loại chứng quyền chào bán để phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phê duyệt và ký các tài liệu, hồ sơ, hợp đồng liên quan đến việc chào bán chứng quyền, bao gồm: Bản cáo bạch, Bản thông báo phát hành, các báo cáo, thông báo chào bán, các tài liệu trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền, các hợp đồng với nhà đầu tư và bất kỳ văn bản, tài liệu, hồ sơ liên quan việc chào bán chứng quyền phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Quyết định giá trị tài sản bảo đảm, việc lựa chọn ngân hàng lưu ký, và ký hợp đồng, tài liệu với ngân hàng lưu ký để triển khai việc tiếp nhận, ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán và thực hiện các công việc khác theo quy định.

5. Quyết định và thực hiện các thủ tục, ký kết các tài liệu, hồ sơ cần thiết theo quy định để đăng ký lưu ký chứng quyền tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng quyền trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, kể cả các hồ sơ thay đổi đăng ký lưu ký hoặc niêm yết (nếu có).

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các văn bản khác trái với nội dung Nghị quyết này. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- HĐQT, HĐĐT, BTGĐ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC: CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Đính kèm Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 14/12/2023 của Hội đồng quản trị SSI)

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
1	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 11.000 đến 44.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 7.300	1-116	1-846.8	Theo quyết định của HOSE
2	FPT	Công ty Cổ phần FPT	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 46.000 đến 185.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-34	1-272	Theo quyết định của HOSE
3	HDB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 9.000 đến 36.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 6.000	1-66	1-396	Theo quyết định của HOSE
4	HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 13.000 đến 54.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-106	1-848	Theo quyết định của HOSE
5	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 9.000 đến 36.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 6.000	1-94	1-564	Theo quyết định của HOSE

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
6	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 31.000 đến 123.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-20	1-160	Theo quyết định của HOSE
7	MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 19.000 đến 78.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-37	1-296	Theo quyết định của HOSE
8	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 5.000 đến 22.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 3.700	1-95	1-351.5	Theo quyết định của HOSE
9	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 11.000 đến 45.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 7.500	1-43	1-322.5	Theo quyết định của HOSE
10	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 14.000 đến 55.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-60	1-480	Theo quyết định của HOSE
11	TCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 15.000 đến 60.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-71	1-568	Theo quyết định của HOSE

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
12	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 9.000 đến 34.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 5.700	1-41	1-233.7	Theo quyết định của HOSE
13	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 20.000 đến 82.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-43	1-344	Theo quyết định của HOSE
14	VIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 9.000 đến 38.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 6.300	1-45	1-283.5	Theo quyết định của HOSE
15	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 21.000 đến 84.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-35	1-280	Theo quyết định của HOSE
16	VJC	Công ty Cổ phần Hàng không VIETJET	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 53.000 đến 211.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-9	1-72	Theo quyết định của HOSE
17	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 34.000 đến 137.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-25	1-200	Theo quyết định của HOSE

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
18	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 10.000 đến 39.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 6.500	1-176	1-1.144	Theo quyết định của HOSE
19	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2024	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Trong Quý 1/2024 đến Quý 4/2026	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 11.000 đến 46.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 7.700	1-30	1-231	Theo quyết định của HOSE

(*) Số lượng chào bán và khoảng giá sẽ được điều chỉnh phù hợp với mức tối thiểu hoặc tối đa mà pháp luật, Sở giao dịch chứng khoán hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định tùy từng thời điểm.

(**) Số lượng chứng quyền tối đa dự kiến chào bán là số lượng chứng quyền tối đa tính quy đổi về tỷ lệ chuyển đổi 1:1.

No.: 17/2023/NQ-HĐQT

Ho Chi Minh City, December 14, 2023

THE RESOLUTION
OF THE BOARD OF DIRECTORS

Re: The Offering of Covered Warrant

THE BOARD OF DIRECTORS
SSI SECURITIES CORPORATION

Pursuant to:

- *The Charter of SSI Securities Corporation;*
- *Resolution No. 01/2018/NQ-DHDCD dated January 12, 2018 of the General Meeting of Shareholders;*
- *The minutes of collecting voting opinions of members of the Board of Directors on December 14, 2023*

RESOLVED:

Article 1: To approve covered warrant offering from the effective date of this Resolution until the end of 2024 as Appendix attached.

Article 2: To approve registration for warrant depository at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and warrant listing at Hochiminh Stock Exchange (HOSE)

Upon completion of distribution, all warrants will be registered for depository at VSDC and listed on HOSE according to the laws.

Article 3: To authorize the implementation:

The Board hereby delegates and authorises the Chairman or CEO:

1. To make decision on implementing the offering and related details to covered warrant (including supplement offering) as approved in the Article 1 of this Resolution, including without limitation to the following tasks:
   - Selecting the time for offering;
   - Selecting investors and determining quantity of warrants to be distributed to each investor;
   - Deciding warrant name in compliance with the laws and suitable to each kind of offered warrant;
   - Deciding warrant period, offering date, last trading date, maturity date;

- Deciding exercise price/strike price, offering price, and offering quantity in compliance with the laws and market conditions;
- Warrant distribution;
- Performing all necessary procedures for warrant offering to comply with the laws and regulations, and requirements from competent authorities.

2. To make decision on any amendments, supplements, completion and changes of information of each type of offered warrant in conformity with the laws and regulations, and requirements from competent authorities.
3. To make approval and sign-off all documents, profiles, contracts relating to warrant offering, including: Prospectus, Offering Announcement, reports, notices of offer, all documents required in the application file, contracts with the investors and any relevant documents, dossiers for the warrant offering to comply with prevailing laws.
4. To make decision on collateral value, selecting custodian banks, and sign-off contracts and documents with selected custodian banks for receipt and depository of collaterals for payment and implement other tasks by the laws.
5. Decision and implementation of all procedures, sign-off all necessary documents, profiles as required by the laws for warrant depository at VSDC and listing on HOSE (including dossier for adjustment, if any).

Article 4: This Resolution takes effect from the signing date and replaces other Resolutions on the same matters. Members of the Board of Directors, members of the Board of Management, related departments and individuals shall take responsibility for implementation of this Resolution.

Recipients:
- *Article 4;*
- *BOD, BOI, BOM;*
- *For archives.*

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
THE CHAIRMAN

NGUYEN DUY HUNG

APPENDIX: COVERED WARRANT OFFERING

(Attached to Resolution No. 17/2023/NQ-HĐQT dated December 14, 2023 of the Board of Directors)

No.	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/ warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Bil) (*)	Listed Date
1	ACB	Asia Commercial Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 11.000 to 44.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 7.300	1-116	1-846.8	Subject to HOSE decision
2	FPT	FPT Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 46.000 to 185.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-34	1-272	Subject to HOSE decision
3	HDB	Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 9.000 to 36.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 6.000	1-66	1-396	Subject to HOSE decision
4	HPG	Hoa Phat Group Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 13.000 to 54.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-106	1-848	Subject to HOSE decision
5	MBB	Military Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 9.000 to 36.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 6.000	1-94	1-564	Subject to HOSE decision

No.	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/ warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Bil) (*)	Listed Date
6	MSN	Masan Group Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 31.000 to 123.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-20	1-160	Subject to HOSE decision
7	MWG	Mobile World Investment Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 19.000 to 78.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-37	1-296	Subject to HOSE decision
8	SHB	Sai Gon-Ha Noi Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 5.000 to 22.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 3.700	1-95	1-351.5	Subject to HOSE decision
9	SSB	Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 11.000 to 45.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 7.500	1-43	1-322.5	Subject to HOSE decision
10	STB	Sai Gon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Sacombank)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 14.000 to 55.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-60	1-480	Subject to HOSE decision
11	TCB	Vietnam Technology and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 15.000 to 60.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-71	1-568	Subject to HOSE decision

No.	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/ warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Bil) (*)	Listed Date
12	TPB	Tien Phong Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 9.000 to 34.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 5.700	1-41	1-233.7	Subject to HOSE decision
13	VHM	Vinhomes Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 20.000 to 82.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-43	1-344	Subject to HOSE decision
14	VIB	Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 9.000 to 38.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 6.300	1-45	1-283.5	Subject to HOSE decision
15	VIC	Vingroup Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 21.000 to 84.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-35	1-280	Subject to HOSE decision
16	VJC	VIETJET Aviation Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 53.000 to 211.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-9	1-72	Subject to HOSE decision
17	VNM	Vietnam Dairy Products Joint Stock Company (Vinamilk)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 34.000 to 137.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 8.000	1-25	1-200	Subject to HOSE decision

No.	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/ warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Bil) (*)	Listed Date
18	VPB	Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 10.000 to 39.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 6.500	1-176	1-1.144	Subject to HOSE decision
19	VRE	Vincom Retail Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2024	In Q1/2024 to Q4/2026	In Q1/2024 to Q4/2026	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 11.000 to 46.000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1.000 to 7.700	1-30	1-231	Subject to HOSE decision

(*) Amount and price range will be adjusted in accordance with minimum and maximum level as required by laws, regulations, Stock Exchanges or competent authority from time to time.

(**) The maximum number of warrants estimated offering is the maximum number of warrants redeemable in terms of 1:1 conversion ratio.